

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2023.

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển.

Ông Ngô Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/10/2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 596/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 596/TB-TA, ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: 210A/5, ấp Long Định, xã L Th, huyện L V, tỉnh Đ T.
2. *Bị đơn:* Lê Thanh H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 916/3B, ấp Tân Phú, xã T P, huyện L V tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2022, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

L Chị và anh H do hai bên tự tìm hiểu và yêu thương nhau dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12/05/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân về chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng giữa năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, hai vợ chồng thường không có tiếng nói chung. Ngoài ra anh H còn quan hệ bất chính với người phụ nữ bên ngoài, chị L đã bắt gặp nhiều lần nhưng việc này không có biên bản lập để làm bằng chứng, không quan tâm vợ con. Anh H có vài lần đánh chị L nhưng do đánh bằng tay nên chị L cũng không có báo chính quyền địa phương. Trước đây vào năm 2013 chị L có làm đơn xin ly hôn với anh H nhưng sau đó chị L đã rút đơn nhằm mục đích cho anh H cơ hội để hàn gắn vợ chồng nhưng anh H không chịu sửa đổi nên chị L về cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay. Nay chị L quyết định làm đơn khởi kiện xin ly hôn không thể hàn gắn sống chung với anh H được nữa. Hiện nay chị L bán hàng mỹ phẩm thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng/tháng. Đủ khả năng nuôi con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn H Yến sinh ngày 19/3/2011. Hiện nay đang sống với chị Lan, chị Lyêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải bị đơn Lê Thanh H trình bày: Lời trình bày của chị L không đúng, anh H không có quan hệ bất chính với người phụ nữ bên ngoài, lúc vợ chồng cự cãi qua lại thì anh H có đánh vợ một bạt tay, đánh thì lúc giận, do kinh tế khó khăn anh H tập trung lo làm để lo cho con cái và cha mẹ còn chị L thì không H thừa nhận không có đưa tiền vì chị cũng có đi làm có kinh tế riêng. Khi chị L về cha mẹ ruột sống năm 2019 thì anh H có tới thăm chị L và con nhưng bên vợ tỏ thái độ không đồng ý. Anh H thừa nhận trước đây chị L có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh H nhưng chị L đã rút đơn khởi kiện về hàn gắn, khi hàn gắn về anh H cũng đã sửa đổi nhưng nay chị L nộp đơn xin ly hôn lần nữa với anh H, anh H không hiểu rõ lý do. Thời gian chị L về cha mẹ ruột sống, anh H vẫn tới lui bình thường. Nay anh H xác định còn thương vợ thương con không đồng ý ly hôn với chị Lan.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn H Yến sinh ngày 19/3/2011. Hiện nay đang sống với chị Lan, Anh H yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị

L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh H đang làm tại cửa hàng xe Ba Khoái và Minh hiệu, lương mỗi tháng là 8.000.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị Thanh L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa Nguyễn Thị Thanh L với Lê Thanh H, đây là vụ án “Ly hôn” thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thanh H đã được triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ 2 vào ngày 12/01/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, Xét thấy trong hồ sơ có nội dung lời trình bày của anh H đã rõ ràng nên xét thấy việc vắng mặt của anh H không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Lê Thanh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/5/2009 theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, anh H không lo làm ăn chăm sóc cho vợ con, chị L nhiều lần khuyên nhưng anh H vẫn không thay đổi mà vì thế làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Chị L đã về cha mẹ ruột sống từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian này, tuy anh H có tới lui thăm con, nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị L với anh H cũng không thể hàn gắn lại được với nhau, cả hai không còn quan tâm với nhau. Mặt khác, từ khi chị L nộp đơn xin ly hôn đến phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã triệu tập anh H để tiến hành hòa giải, động viên để chị L với anh H có thể hàn gắn, đoàn tụ và chung sống lại với nhau nhưng vẫn đoàn tụ không thành. Hơn nữa trước đây vào năm 2013 mâu thuẫn giữa chị L và anh H thì chị L có nộp đơn xin ly hôn với anh H nhưng sau đó chị L rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng

đến nay tình cảm vẫn không thể hàn gắn được, còn đối với anh H thì cho rằng còn tình cảm với chị L và không đồng ý ly hôn, đó là ý kiến từ anh H. Đồng thời, tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên cho anh H một cơ hội để vợ chồng về hàn gắn chung sống nhưng chị L lại thể hiện sự cương quyết ly hôn với anh H, chị L đã nhiều lần khuyên và cho anh H rất nhiều cơ hội nhưng anh H vẫn vậy không thay đổi, hơn nữa chị L không còn tình cảm với anh H. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H là trầm trọng, bởi lẽ hôn nhân xây dựng trên tình cảm xuất phát từ hai phía, còn ở đây chị L đã khẳng định không còn chút tình cảm gì với anh H. Do đó, cho thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị L không thể hàn gắn lại được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Cho nên, việc chị Nguyễn Thị Thanh L xin ly hôn với anh Lê Thanh H đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Giữa chị L và anh H có một con chung tên Lê Nguyễn H Y sinh ngày 19/3/2011. Hiện nay đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu này của chị L không được anh H đồng ý. Hội đồng xét thấy từ khi vợ chồng mâu thuẫn xa nhau chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho cháu H Y nên phát triển tốt về thể chất và tinh thần thể hiện qua việc cháu Y vẫn đến trường được ăn học như bao đứa trẻ khác. Điều này chứng tỏ chị L đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho cháu Y. Hơn nữa, cháu H Y là con gái giao cho mẹ sẽ chăm sóc tốt hơn về mặt tâm, sinh lý cho bé nên Hội đồng xét xử cần giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, anh H vẫn có thể tới để trông nom, chăm sóc giáo dục con chung mà chị L cùng gia đình không được cản trở, điều này phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh H đều không yêu cầu giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh L

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh L được quyền tiếp tục nuôi con chung là Lê Nguyễn H Y sinh ngày 19/3/2011; Về cấp dưỡng chị L không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh Lê Thanh H có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010617, ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đ T (Chị Nguyễn Thị Thanh L đã nộp xong).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/01/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư